

# **ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TẠI XÃ CHÂU PHÚ VÀ XÃ THANH MỸ TÂY, TỈNH AN GIANG**

Nguyễn Trần Thiện Khánh<sup>1,\*</sup>, Phạm Thị Mỹ Trinh<sup>2</sup>, Huỳnh Phúc Luyện<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Khoa Kỹ thuật - Công nghệ - Môi trường, Trường Đại học An Giang,  
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Phòng Văn hóa - Xã hội, Ủy ban Nhân dân xã Châu Phú

<sup>3</sup>Phòng Phân tích, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường An Giang

\*Email: nttkhanh@agu.edu.vn

## **TÓM TẮT**

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng thực hiện tiêu chí môi trường – tiêu chí 17 theo Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh An Giang trong quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Châu Phú và xã Thanh Mỹ Tây, tỉnh An Giang. Các phương pháp thực hiện gồm thu thập thông tin thứ cấp, phỏng vấn, khảo sát, đánh giá các chỉ tiêu thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khả năng đáp ứng tiêu chí môi trường của bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Châu Phú và xã Thanh Mỹ Tây đều là 8/12 chỉ tiêu. Trong đó, có 3 chỉ tiêu chung đều chưa đạt là chỉ tiêu 17.3, 17.7, 17.10. Chỉ tiêu riêng chưa đạt đối với xã Châu Phú là chỉ tiêu 17.12 và đối với xã Thanh Mỹ Tây là chỉ tiêu 17.8. Nguyên nhân là do cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chưa đáp ứng, thói quen, nhận thức của người dân còn thấp, khó thay đổi và công tác quản lý, triển khai thực hiện chưa được chú trọng nhiều. Trong thời gian tới, đối với các chỉ tiêu chưa đạt cần nhanh chóng lên kế hoạch và thực hiện các giải pháp nhằm thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao đảm bảo tính khả thi, tính bền vững và phù hợp với thực tế địa phương.

**Từ khóa:** Nông thôn mới nâng cao, hiện trạng môi trường, ô nhiễm môi trường nông thôn.

## **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giữ vai trò chiến lược đặc biệt quan trọng, đóng góp tích cực vào việc đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia [1]. Việc phát triển nông thôn đã được Đảng và Nhà nước rất quan tâm chỉ đạo, từ các chính sách hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm đến ban hành các chính sách đầu tư để rút kinh nghiệm nhằm đề xuất các cơ chế chính sách và giải pháp phù hợp để triển khai diện rộng [2]. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 vào ngày 22/02/2022 và Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cũng đã ban hành Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc ban hành Bộ tiêu

chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 [3, 4].

Việc hoàn thành 19 tiêu chí theo Quyết định 1261/QĐ-UBND [4] để trở thành xã nông thôn mới là bắt buộc tại xã Châu Phú và xã Thanh Mỹ Tây, trong đó có tiêu chí môi trường - tiêu chí 17 là một trong những tiêu chí quan trọng cần đạt vì đóng vai trò cải thiện hình ảnh khu vực nông thôn đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Tuy nhiên, quá trình xây dựng xã nông thôn mới nâng cao thực tế còn nhiều khó khăn, vướng mắc bởi đòi hỏi sự quan tâm mạnh mẽ của chính quyền địa phương, ý thức người dân, kinh phí thực hiện... [1, 4]. Vì vậy, nghiên cứu đánh giá thực trạng thực hiện tiêu chí môi trường trong quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao thời điểm trước tháng 7 năm 2025, tại xã Châu Phú và xã Thanh Mỹ Tây, tỉnh An Giang

được thực hiện là điều cần thiết, nhằm tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất các giải pháp thực hiện, góp phần vào thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao sau sáp nhập, thúc đẩy nhanh chóng việc đạt được tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Thu thập các văn bản pháp lý liên quan đến chương trình nông thôn mới nâng cao của tỉnh An Giang, các tài liệu về tình hình thực hiện tiêu chí môi trường của xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây và các tài liệu lý thuyết nghiên cứu nông thôn mới nâng cao.

### 2.2. Phương pháp điều tra, khảo sát thực tế

Nghiên cứu thực hiện bằng cách lập phiếu điều tra - khảo sát để phỏng vấn thu thập thông tin thời gian từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 3 năm 2024, cụ thể như sau:

- Phỏng vấn cán bộ quản lý địa phương, số lượng 10 phiếu bao gồm: Cán bộ tại UBND, công chức các xã tại khu vực nghiên cứu.
- Phỏng vấn các hộ dân ở thời điểm trước tháng 7 năm 2025, gồm các xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây, tỉnh An Giang. Thực hiện phỏng vấn thử để điều chỉnh nội dung và phương pháp phỏng vấn cho phù hợp. Lựa chọn ngẫu nhiên các hộ dân phỏng vấn và các hộ phân bố trên nhiều ấp

khác nhau của xã. Số lượng phiếu điều tra - khảo sát được tính theo công thức sau [5]:  $n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$

Trong đó: n là cỡ mẫu (số phiếu điều tra-khảo sát); N là số lượng tổng thể (số hộ mỗi xã); e là sai số cho phép.

Tổng số hộ của xã Châu Phú là 4.252 hộ và xã Thạnh Mỹ Tây là 4.896 hộ. Nghiên cứu thực hiện số phiếu ở mỗi xã là 200 phiếu với độ chính xác khi thực hiện khảo sát 90%.

### 2.3. Phương pháp đánh giá

Thông tin đầu vào để đánh giá dựa trên kết quả thu thập thông tin từ cán bộ địa phương và các báo cáo về kết quả thực hiện tiêu chí 17 của xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây, kết hợp với kết quả phỏng vấn 200 hộ dân tại 2 xã và kết quả khảo sát thực tế tại một số khu vực. Phương pháp đánh giá căn cứ theo Quyết định 1261/QĐ-UBND [4].

### 2.4. Phương pháp thống kê

Sử dụng phần mềm Excel và SPSS để thực hiện tổng hợp thông tin, phân tích số liệu các kết quả phỏng vấn từ phiếu giấy.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Đánh giá thực trạng thực hiện tiêu chí môi trường của xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây

#### 3.1.1. Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường của xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây

**Bảng 1. Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường của xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây**

| Tên chỉ tiêu                                                                                                                       | Tiêu chuẩn  | Xã Châu Phú | Xã Thạnh Mỹ Tây |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------------|
| 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường | Đạt         | Đạt         | Đạt             |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường                      | 100%        | Đạt         | Đạt             |
| 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định                 | $\geq 95\%$ | Chưa đạt    | Chưa đạt        |
| 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả                              | $\geq 35\%$ | Đạt         | Đạt             |
| 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn                                                                | $\geq 50\%$ | Đạt         | Đạt             |
| 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng                                          | 100%        | Đạt         | Đạt             |

## KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

| Tên chỉ tiêu                                                                                                                                                    | Tiêu chuẩn  | Xã Châu Phú | Xã Thạnh Mỹ Tây |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-----------------|
| các yêu cầu về bảo vệ môi trường                                                                                                                                |             |             |                 |
| 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường | $\geq 80\%$ | Chưa đạt    | Chưa Đạt        |
| 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường                                                               | $\geq 85\%$ | Đạt         | Chưa đạt        |
| 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch                                                                 | Đạt         | Đạt         | Đạt             |
| 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng                                                                                                                         | $\geq 10\%$ | Chưa đạt    | Chưa đạt        |
| 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4 \text{ m}^2/\text{người}$                                                               | Đạt         | Đạt         | Đạt             |

*3.1.2. Chỉ tiêu 17.1 - Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường*

Kết quả thu thập thông tin cho thấy, hiện tại địa bàn của 2 xã Châu Phú và Thạnh Mỹ Tây không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản. Do đó, chỉ tiêu 17.1 được đánh giá là đạt ở cả hai xã. Tuy nhiên, tiêu chí 17.1 được ghi nhận đạt nhờ đặc thù địa bàn không tồn tại các khu chăn nuôi và giết mổ tập trung, đây không phải là từ sự cải thiện hay xây dựng hệ thống quản lý môi trường. Vì vậy, nhằm ứng phó với kịch bản xuất hiện các kinh doanh,

dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản trong tương lai, địa phương cần thực thi các giải pháp kỹ thuật đồng bộ để đảm bảo tính bền vững như áp dụng nghiêm ngặt quy hoạch phân khu cách biệt trên địa bàn tỉnh, tuyên truyền cho chủ đầu tư các chính sách pháp luật, quy định về môi trường, chăn nuôi, bắt buộc chủ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải đặc thù (nước thải hữu cơ, hầm biogas) ngay từ giai đoạn thiết kế, thiết lập mạng lưới giám sát định kỳ để ngăn chặn sớm các rủi ro ô nhiễm, kiểm soát xung đột môi trường.

*3.1.3. Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường*

**Bảng 2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.2**

|                                                                                                    | Xã Thạnh Mỹ Tây              | Xã Châu Phú                                                                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng phải lập thủ tục hành chính về môi trường        | 38 (35 cơ sở đang hoạt động) | 42 cơ sở (10 cơ sở thuộc khu công nghiệp Bình Long do Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh quản lý) |
| Số cơ sở được xác nhận thủ tục về môi trường                                                       | 35/35 cơ sở                  | 42/42 cơ sở                                                                                 |
| Tỷ lệ                                                                                              | 100%                         | 100%                                                                                        |
| Tiêu chuẩn                                                                                         | 100%                         | 100%                                                                                        |
| Đánh giá                                                                                           | Đạt                          | Đạt                                                                                         |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường | 387 hộ                       | 301 hộ                                                                                      |
| Ký bản cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường và kiểm soát nguồn thải trong nuôi trồng thủy sản        | 359 hộ                       | 275 hộ                                                                                      |

Đối với chỉ tiêu 17.2 cả hai xã đều đáp ứng và đạt yêu cầu. Tuy nhiên, tại hai xã còn các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, có nguy cơ gây ra ô nhiễm môi trường nên các cơ sở này cần ký bản cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường và kiểm soát nguồn thải, các hoạt động kiểm tra, giám sát tuyên truyền cần được duy trì, thực hiện thường xuyên, chặt chẽ và thường xuyên, đặc biệt đối với các công ty đang hoạt

động tại khu công nghiệp Bình Long. Bên cạnh đó, cần áp dụng các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra các sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng giá trị kinh tế và giảm tác động đến môi trường do nước thải và bùn thải.

*3.1.4. Chỉ tiêu 17.3 - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định*

**Bảng 3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.3**

|                                                                                                                                                                                  | Xã Thạnh Mỹ Tây | Xã Châu Phú    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|
| Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom xử lý (Kể cả hộ tự xử lý ở khu vực chưa tổ chức thu gom theo tuyến do điều kiện khách quan) | 4.174/4.657 hộ  | 3.396/3.914 hộ |
| Tỷ lệ                                                                                                                                                                            | 89,6%           | 86,8%          |
| Tiêu chuẩn                                                                                                                                                                       | ≥ 95%           | ≥ 95%          |
| Đánh giá                                                                                                                                                                         | Chưa đạt        | Chưa đạt       |
| Hộ tự xử lý trên tuyến đường có xe thu gom rác (bằng hình thức đốt)                                                                                                              | 482 hộ          | 518 hộ         |

Chỉ tiêu 17.3 chưa đạt với cả hai xã. Nguyên nhân khách quan liên quan đến cơ sở hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng đủ cho công tác thu gom rác, thiếu lực lượng, trang thiết bị và nguồn kinh phí, một số ít hộ dân thiếu ý thức chưa tham gia dịch vụ thu gom rác và đóng phí thu gom rác theo quy định. Hiện nay, cả hai xã đều đang nỗ lực lên

kế hoạch và thực hiện mở rộng tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt, đánh giá là sẽ có khả năng sớm đạt được chỉ tiêu này trong thời gian tới.

*3.1.5. Chỉ tiêu 17.4 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả*

**Bảng 4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.4**

|                                                                                                                                                                     | Xã Thạnh Mỹ Tây              | Xã Châu Phú                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tổng số hộ                                                                                                                                                          | 4.896 hộ                     | 4.252 hộ                     |
| Số hộ thực tế (không tính số hộ vắng)                                                                                                                               | 4.657 hộ                     | 3.914 hộ                     |
| Số hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải bằng biện pháp phù hợp hiệu quả, có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch | 2.100/4.657 hộ, tỷ lệ 45,09% | 3.763/3.914 hộ, Tỷ lệ 96,14% |
| Đánh giá so với tiêu chuẩn (≥ 35%)                                                                                                                                  | Đạt                          | Đạt                          |

Như vậy, cả hai xã đã đáp ứng được chỉ tiêu 17.4. Tiêu chuẩn yêu cầu đối với xã nông thôn mới với chỉ tiêu này không quá cao, 35%, nên hai xã không khó khăn đạt được, nhưng thực tế tình trạng ô nhiễm do nước thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn vẫn được xem là vấn đề đáng quan tâm. Những hộ gia đình còn lại vẫn chưa đảm bảo

nhà vệ sinh và thoát nước thải phù hợp. Hiện nay, toàn xã Châu Phú chưa có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, do đó nước thải sinh hoạt chỉ được xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình mà chưa được xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

*3.1.6. Chỉ tiêu 17.5 - Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn*

**Bảng 5. Kết quả thực hiện tiêu chí 17.5**

|                                        | Xã Thanh Mỹ Tây                 | Xã Châu Phú                      |
|----------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| Số hộ tham gia phân loại rác tại nguồn | 2.426/4.657 hộ,<br>tỷ lệ 51,41% | 3.028/3.914 hộ,<br>tỷ lệ 77,36 % |
| Tỷ lệ đạt được/tiêu chuẩn              | 50%                             | 50%                              |
| Đánh giá                               | Đạt                             | Đạt                              |

Hai xã được đánh giá là đạt đối với chỉ tiêu 17.5. Với sự nỗ lực trong các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn thường xuyên cũng như tổ chức phân loại rác, hai xã đã đạt được tiêu chuẩn đặt ra. Mô hình phân loại tại xã góp phần giải quyết được một lượng đáng kể rác thải sinh hoạt, giảm áp lực cho hệ thống thu gom và mang lại lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, đây là mô hình phân loại đơn giản, xử lý được một phần rác có khả năng tái chế, tái sử dụng, còn các loại rác khác vẫn chưa có hướng xử lý và giải quyết, đặc biệt đối với rác thải hữu cơ, loại rác chiếm tỷ lệ lớn trong rác thải sinh hoạt hộ gia đình. Rác thải hữu cơ vẫn chưa được người dân tận dụng nhiều. Mô hình ủ phân compost chưa được triển khai và hướng dẫn cụ thể về kỹ thuật cũng như làm thí điểm cho người dân. Loại rác thải hữu cơ vẫn chưa được phân loại riêng. Rác thải sinh hoạt sau khi được Xí nghiệp Môi trường đô thị Châu Phú thu gom và vận chuyển đến Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên, xã Châu Thành và xử lý bằng biện pháp chôn lấp hợp vệ sinh, chưa có biện pháp xử lý riêng cho rác thải hữu cơ (nếu có phân loại) cũng như các loại rác khác. Ngoài ra, nếu rác được phân loại nhưng tại địa phương các phương tiện thu gom hiện nay vẫn chưa đồng bộ, chưa có xe chuyên dụng để thu gom riêng từng loại rác thải. Điều này khiến việc phân loại tại nguồn của người dân giảm đi ý nghĩa thực tế. Kết quả phỏng vấn còn cho thấy, đa số người dân đánh giá hoạt động truyền thông phân loại rác tại xã được tổ chức thường xuyên, chính quyền địa phương đã triển khai hoạt động phân loại rác tại hộ gia đình của họ. Mức độ sẵn lòng tham gia phân loại rác của người dân ở cả hai xã tương đối cao, ở xã Bình Long đạt 72% và ở xã Thanh Mỹ Tây đạt 89%. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người không sẵn lòng tham gia phân loại rác: 28% ở xã Châu Phú và 11% ở xã Thanh Mỹ Tây. Điều này thể hiện ý thức bảo vệ môi trường của người dân và tinh thần trách nhiệm với cộng

đồng, từng bước được nâng lên. Các chương trình giáo dục, tuyên truyền đã mang lại hiệu quả. Do đó, cần bổ sung giải pháp cải tiến xe thu gom hiện có bằng cách lắp đặt các khoang chứa riêng biệt (cải tiến thùng xe 2 ngăn chứa), tổ chức lịch thu gom khác nhau theo từng loại rác, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức hơn nữa về phân loại rác, bảo đảm sự đồng bộ giữa khâu phân loại tại nguồn và khâu thu gom, vận chuyển sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt và duy trì sự tham gia của người dân [6, 7].

### *3.1.7. Chỉ tiêu 17.6 - Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường*

Theo các số liệu và thông tin thu thập được từ cán bộ địa phương, tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại hai xã là 100%, đạt tiêu chuẩn của chỉ tiêu 17.6 theo số liệu thống kê từ các hợp đồng ký kết với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý. Tuy nhiên, thực tế nếu cán bộ địa phương không giám sát thường xuyên, kiểm soát chặt chẽ và hành vi thói quen của người dân thì chất thải nguy hại có thể sẽ không được xử lý triệt để, một số bộ phận nông dân sẽ thải bỏ, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng cách hay hộ gia đình vẫn chưa được thải bỏ riêng với chất thải rắn thông thường (pin, bình acquy, thiết bị điện tử)... Do đó, cán bộ địa phương cần lập kế hoạch giám sát chặt chẽ, tuyên truyền, giáo dục cho người dân về tác hại của việc thải bỏ chất thải nguy hại, phân loại chất thải nguy hại thải bỏ riêng với chất thải thông thường như vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật, pin, bình acquy, thiết bị điện tử và tổ chức các hoạt động như “đổi pin lấy quả”, “đổi pin cũ lấy pin mới” và có thể ứng dụng mô hình “đặt cọc – hoàn trả (DRS)” đối với vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các đại lý vật tư nông nghiệp địa

phương để giải quyết triệt để hành vi xả thải bao bì không đúng nơi quy định [8, 9].

*3.1.8. Chỉ tiêu 17.7 - Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường*

Theo kết quả thu thập thông tin từ cán bộ địa phương, tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường chưa đạt so với tiêu chuẩn quy định  $\geq 80\%$ . Trong những năm qua, phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã có bước chuyển biến tích cực. Sản xuất nông nghiệp theo hướng thị trường, mang lại chất lượng và giá trị gia tăng cao cho người sản xuất. Tuy nhiên, quá trình sản xuất nông nghiệp cũng tạo ra một lượng phế, phụ phẩm tương đối lớn, phát sinh trên địa bàn 2 xã chủ yếu là rơm rạ. Rơm rạ sau vụ thu hoạch sẽ được ép, đóng bánh, được nông dân bán hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, cung ứng cho các hộ

làm nấm, làm phân bón, che phủ cho cây trồng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều người dân giữ thói quen đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng, gây ô nhiễm môi trường và cản trở giao thông. Ủy ban nhân dân xã phối hợp với các hội đoàn thể và các ấp thực hiện tuyên truyền cho nông dân thực hiện thu gom, tái chế, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp. Phụ phẩm nông nghiệp, nếu quản lý không chặt chẽ, sẽ gây ô nhiễm môi trường và lãng phí nguồn chất hữu cơ. Nguồn tài nguyên này, nếu được khai thác, sử dụng tốt, không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Do đó, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường, được quan tâm chú trọng và thực hiện có hiệu quả tại địa phương.

*3.1.9. Chỉ tiêu 17.8 - Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường*

**Bảng 6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu 17.8**

|                                                                                      | Xã Thạnh Mỹ Tây           | Xã Châu Phú                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Cơ sở chăn nuôi đáp ứng các quy định về vệ sinh thú y chăn nuôi và bảo vệ môi trường | 75/93 cơ sở, tỷ lệ 80,64% | 138/151 cơ sở, tỷ lệ 91,39% |
| Tiêu chuẩn                                                                           | 85%                       | 85%                         |
| Đánh giá                                                                             | Chưa đạt                  | Đạt                         |

Tại xã Châu Phú đạt và xã Thạnh Mỹ Tây chưa đạt so với chỉ tiêu 17.8. Kết quả phỏng vấn cho thấy, nhiều tiêu chí về vệ sinh thú y chưa được đảm bảo. Một số hộ không thực hiện tiêm vắc - xin cho vật nuôi hoặc định kỳ sát trùng, vệ sinh chuồng trại, thiết bị chưa đảm bảo và một số hộ nhỏ lẻ chưa xử lý tốt phân vật nuôi. Ủy ban nhân dân các xã kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể vận động các hộ còn lại chăn nuôi gia súc, gia cầm cho hợp vệ sinh.

*3.1.10. Chỉ tiêu 17.9 - Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch*

Trong 200 hộ dân phỏng vấn, đều trả lời rằng hộ gia đình sử dụng biện pháp chôn cất tại nghĩa trang địa phương hoặc trên phần đất của gia đình, dòng họ do quỹ đất còn nhiều, không có hộ sử dụng biện pháp hỏa táng. Kết quả phỏng vấn cho thấy, hầu hết người dân ở hai xã đều đồng tình với việc xây dựng nghĩa trang tại địa phương.

Trên địa bàn xã Châu Phú có 01 nghĩa địa nhân dân tại ấp Bình Thuận với diện tích đất 0,5964 ha, đảm bảo phù hợp với quy hoạch. Trên địa bàn xã Thạnh Mỹ Tây không có quy hoạch khu nghĩa trang. Tuy nhiên, UBND xã có biên bản với xã Ô Long Vĩ về việc sử dụng chung nghĩa trang nhân dân diện tích 0,5 ha tại ấp Long Định phù hợp với quy định.

*3.1.11. Chỉ tiêu 17.10 - Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng*

Do quỹ đất ở nông thôn còn khá nhiều và có nghĩa trang nhân dân, nên người dân không có sự quan tâm đối với hình thức hỏa táng. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ở cả hai xã đều chưa đạt tiêu chuẩn quy định. Trên địa bàn xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây hiện chưa có cơ sở hỏa táng. Tuy nhiên, tại xã Thạnh Mỹ Tây, đối với những trường hợp người dân có nhu cầu, xã cũng đã đăng ký hồ sơ thực hiện hỏa táng tại Chùa Phú Đà Châu, tọa lạc tại ấp Bình Hưng 1, xã Bình

Mỹ. Lợi ích của hỏa táng góp phần tiết kiệm nguồn đất đai chôn cất, tiết kiệm chi phí và cải thiện chất lượng môi trường.

*3.1.12. Chỉ tiêu 17.11 - Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4$  m<sup>2</sup>/người*

Diện tích cây xanh sử dụng công cộng tại khu dân cư xã Châu Phú là 11.650 m<sup>2</sup>/3.692 người = 4,32 m<sup>2</sup>/người và xã Thạnh Mỹ Tây là 9.820 m<sup>2</sup>/2.134 người = 4,6 m<sup>2</sup>/người, so với chỉ tiêu 17.11 quy định ( $\geq 4$  m<sup>2</sup>/người) đạt theo quy định.

*3.1.13. Chỉ tiêu 17.12 - Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định*

Theo kết quả thu thập thông tin từ cán bộ địa phương cho thấy, số hộ đăng ký thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa theo quy định tại xã Châu Phú là tỷ lệ 52,44% và xã Thạnh Mỹ Tây đạt 100%. Vì vậy, chỉ tiêu 17.12 tại xã Châu Phú chưa đạt và xã Thạnh Mỹ Tây đạt. Nhựa là một dạng chất thải có tốc độ phân hủy rất chậm, mất hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm để một mảnh rác thải nhựa có thể phân hủy trong điều kiện tự nhiên [10]. Do đó, đạt được chỉ tiêu này đối với môi trường nông thôn là rất cấp thiết. Chính quyền và người dân địa phương xã Bình Long và Thạnh Mỹ Tây đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động thu gom, tái chế, tái sử dụng rác thải nhựa. Hiệu quả thực hiện đối với tiêu chí này ở xã Thạnh Mỹ Tây cao hơn so với xã Bình Long. Nguyên nhân xã Bình Long chưa đạt đối với chỉ tiêu này là do số hộ tham gia thu gom xử lý rác thải nhựa còn thấp so với tiêu chuẩn đưa ra. Xuất phát từ việc tổ chức thu gom và vận động người dân thực hiện của chính quyền xã chưa rộng rãi và đáp ứng so với chỉ tiêu. Nguồn lực về kinh phí tổ chức thu gom rác thải nhựa chưa đủ để hỗ trợ trang thiết bị, thực hiện tuyên truyền là một rào cản lớn. Bên cạnh đó, ý thức, sự tự giác và sự tích cực tham gia của người dân tại xã cũng chưa đủ để đáp ứng.

### **3.2. Truyền thông về nông thôn mới**

Kết quả phỏng vấn cho thấy, đa số người dân (98% tại xã Châu Phú và 74% tại xã Thạnh Mỹ Tây) đều biết về nông thôn mới và hiểu được lợi ích cơ bản của nông thôn mới về phát triển kinh tế, xã hội, làm cho môi trường xanh sạch đẹp. Người dân cho rằng đây là chương trình mà Nhà

nước và nhân dân cùng phối hợp thực hiện. Điều này cho thấy sự đồng thuận của người dân và sự thuận lợi khi xây dựng nông thôn mới nâng cao vì người dân là một chủ thể quan trọng quyết định sự thành công của mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, người dân chỉ biết một cách tổng quát, mà không hiểu rõ chi tiết về các tiêu chí và biết cần làm gì để giúp xã đạt nông thôn mới (2% tại xã Châu Phú và 26% tại xã Thạnh Mỹ Tây). Qua đó cho thấy, hoạt động truyền thông đã có hiệu quả nhất định nhưng chưa thật sự đi vào chiều sâu. Kênh truyền thông mà người dân tiếp cận về nông thôn mới chủ yếu qua radio, loa phát thanh của địa phương (55% tại xã Châu Phú và 69% tại xã Thạnh Mỹ Tây), qua ti vi (18% tại xã Châu Phú và 18% tại xã Thạnh Mỹ Tây), Pano, bandroll, áp phích (23% tại xã Châu Phú và 14% tại xã Thạnh Mỹ Tây), cán bộ địa phương (17% tại xã Châu Phú và 14% tại xã Thạnh Mỹ Tây) và còn lại là từ báo, kênh khác.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu có sự tương đồng với các nghiên cứu đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới nâng cao tại xã Bảo Lý, tỉnh Thái Nguyên cho thấy tiêu chí 17 đều đạt theo quy định [11]. Tuy nhiên, vẫn có địa phương thiếu bãi chứa rác, thiếu phương tiện xử lý thu gom rác, nước thải và nghiên cứu tại xã Xuân Thiện, tỉnh Đồng Nai cho thấy, đa số người dân đều hiểu biết về các hoạt động, sự cần thiết của xây dựng nông thôn mới nâng cao và tham gia vì cộng đồng. Yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến sự tham gia là niềm tin đối với UBND xã; hoạt động của các tổ chức đoàn thể xã; kinh tế gia đình; trình độ học vấn; hoạt động truyền thông của xã [12].

### **4. KẾT LUẬN**

Xây dựng nông thôn mới là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với thời kỳ mới. Bên cạnh việc đẩy mạnh các tiêu chí về kinh tế, cơ sở hạ tầng..., vấn đề môi trường trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn cần được quan tâm. Kết quả khảo sát hiện trạng môi trường và việc bảo vệ môi trường tại xã Châu Phú và xã Thạnh Mỹ Tây, tỉnh An Giang (thời điểm trước tháng 7/2025) cho thấy, khả năng đáp ứng tiêu chí môi trường - tiêu chí 17 của bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của 2 xã đều là 8/12 chỉ tiêu cho thấy, vẫn còn 4 chỉ tiêu mà 2 xã chưa thể đáp ứng. Trong đó, 3 chỉ tiêu chung đều chưa hoàn

thành là chỉ tiêu 17.3, 17.7, 17.10. Chỉ tiêu riêng chưa đạt đối với xã Châu Phú là chỉ tiêu 17.12. và xã Thạnh Mỹ Tây là chỉ tiêu 17.8. Nguyên nhân chung là do cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chưa đáp ứng, có thói quen, nhận thức của một bộ phận người dân chưa cao, và công tác quản lý, triển khai thực hiện chưa đáp ứng được tiêu chuẩn đề ra, công tác truyền thông chưa thật rộng khắp và đi vào chiều sâu do nguồn lực còn hạn chế. Trong thời gian tới, đối với các chỉ tiêu chưa đạt các địa phương nhanh chóng lên kế hoạch, thực hiện mở rộng tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt, các xã kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể nỗ lực vận động các hộ còn lại chăn nuôi gia súc, gia cầm cho hợp vệ sinh, thực hiện chính sách hỗ trợ người dân đối với hình thức hỏa táng dần hình thành thói quen cho người dân, tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng. Ngoài ra, cần áp dụng một số giải pháp về áp dụng phương pháp canh tác bền vững, tăng cường triển khai các mô hình tận dụng phụ phẩm nông nghiệp như: Ủ phân compost, tận dụng phụ phẩm làm thức ăn gia súc, gia cầm, tuyên truyền, vận động việc thu gom và thực hiện các mô hình đối với chất thải rắn, bao bì thuốc bảo vệ thực vật,... nhằm thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao. Quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao cần đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tế địa phương và đảm bảo tính bền vững.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Đỗ Thị Tám, Vũ Thị Xuân, Xuân Thị Thu Thảo, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Trương Đỗ Thùy Linh, Tô Thúy Nga (2024). Đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, 13(5), 146 - 156.
- [2]. Bùi Như Ý và Nguyễn Võ Châu Ngân (2016). Khảo sát mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường xã nông thôn mới - Trường hợp xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ*, 4, 61 - 70.
- [3]. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*.
- [4]. Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang (2022). *Quyết định 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025*.
- [5]. Yamane, T. (1967). *Statistics: An Introductory Analysis. 2nd Edition*. New York: Harper and Row.
- [6]. Nguyễn Mai Hoa (2019). Đánh giá hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý và dự báo lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn tại một số tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ*, 60(5), 50 - 59.
- [7]. Hoàng Thị Thu Hòa (2024). Nghiên cứu và đề xuất mô hình cộng đồng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. *Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường*, 52, 138 - 148.
- [8]. Lê Quý Hiền, Phạm Khắc Liệu (2025). Thải bỏ và quản lý pin đã qua sử dụng từ hộ gia đình ở Thành phố Huế: Thực trạng và một số giải pháp cải thiện. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế: Khoa học Tự nhiên*, 134(1C), 135-145.
- [9]. Nguyễn Hằng (2025). Đặt cọc - Hoàn trả: Công cụ thúc đẩy thu gom - tái chế tuần hoàn trong quản lý bao bì đồ uống và định hướng áp dụng cho Việt Nam. *Tạp chí Môi trường*, 12, 86-89.
- [10]. Dương Thanh Nghị, Đinh Hải Ngọc và Lê Văn Nam (tháng 11, 2019). Tổng quan hạt vi nhựa (microplastics) trong môi trường biển. *Hội thảo khoa học quốc tế "Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp"*, Hà Nội, Việt Nam.
- [11]. Nguyễn Thị Bích Liên, Chu Thành Huy (2023). Đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Bảo Lý, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 228(16), 74 - 81.
- [12]. Nguyễn Lê Trường Sơn (2021). *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong việc xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai*. Luận văn Thạc sĩ ngành Kinh tế tài chính. Trường Đại học Kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh.

**ASSESSMENT OF THE CURRENT STATUS OF ENVIRONMENTAL CRITERIA  
IMPLEMENTATION IN THE PROCESS OF UPGRADING NEW RURAL DEVELOPMENT  
IN CHAU PHU COMMUNE AND THANH MY TAY COMMUNE, AN GIANG PROVINCE**

**Nguyen Tran Thien Khanh<sup>1</sup>, Phạm Thị My Trinh<sup>2</sup>, Huynh Phuc Luyen<sup>3</sup>**

<sup>1</sup>*Faculty of Environmental Engineering and Technology, An Giang University,  
Vietnam National University of Ho Chi Minh City*

<sup>2</sup>*Social and Cultural Affairs Division,  
Chau Phu commune Chau Phu Commune People's Committee*

<sup>3</sup>*Analytical Laboratory,  
An Giang Center for Natural Resources and Environment Monitoring*

**Abstract**

This study was conducted to assess the current status of implementing the environmental criterion – criterion 17 – according to Decision No. 1261/QĐ-UBND dated June 22, 2022, of the People's Committee of An Giang province in the process of building advanced new rural areas in Chau Phu commune and Thanh My Tay commune, An Giang province. Implementation methods include collecting secondary information, investigation, survey, evaluation performance indicators. Research results show that the ability to meet environmental criteria - criterion 17 of the enhanced new rural criteria set of Chau Phu commune and Thanh My Tay commune are both 8/12 criterion. Among them, there are 3 common criteria that have not been completed: criterion 17.3, 17.7, 17.10. The only unmet criterion for Chau Phu commune is criterion 17.12. For Thanh My Tay commune, it is criterion 17.8. The reason is that the infrastructure and equipment are not adequate, people's habits and awareness are still low, and it is difficult to change and effectively manage and implement. The reasons stem from inadequate infrastructure and equipment, low levels of ingrained habits and awareness among the population, and insufficient attention paid to management and implementation. In the approaching time, for the objectives that are still unmet, it is essential to promptly devise and execute strategies to effectively realize the aim of developing progressive new rural communities, while guaranteeing practicality, sustainability, and alignment with local conditions.

**Keywords:** *Advanced new rural, current environmental status, rural environmental pollution.*

**Ngày nhận bài:** 16/4/2026

**Ngày chuyển phản biện:** 4/5/2026

**Ngày thông qua phản biện:** 15/5/2026

**Ngày duyệt bài:** 19/6/2026